

Bản án số: 75/2026/HS-ST

Ngày: 13 - 05 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Phương

Ông Trần Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 05 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 04 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 04 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Đ, sinh năm 1977 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370770044xx. Nơi cư trú: thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, bị cáo có vợ là Phạm Thị B và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2000

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370760046xx. Nơi cư trú: thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Lê Thị M, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

3. Lê Văn D, sinh năm 1979 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370790047xx. Nơi cư trú: thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông con ông Lê Quang T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T3 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2008

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 15/3/2023 của Công an xã K (thuộc huyện Y cũ) xử phạt Lê Văn D số tiền 1.250.000đ về hành vi “Đánh bạc”, D đã chấp hành ngày 17/3/2023

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

4. Đỗ Gia H1, sinh năm 1986 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370860015xx. Nơi cư trú: thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông con ông Đỗ Thanh D1 và bà Trần Thị T4 (đã chết), bị cáo có vợ là Đào Thị N1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC ngày 15/3/2023 của Công an xã K (thuộc huyện Y cũ) xử phạt Đỗ Gia H1 số tiền 1.250.000đ về hành vi “Đánh bạc”, H1 đã chấp hành ngày 17/3/2023

Chức vụ, đảng phái: Là Đảng viên Đ1, sinh hoạt tại chi bộ thôn D, Đảng bộ xã K, tỉnh Ninh Bình. Đã đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 28 tháng 4 năm 2026

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

5. Lê Văn D2, sinh năm 1986 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370860074xx. Nơi cư trú: thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông con ông Lê Quang T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, bị cáo có vợ là Vũ Thị B1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Văn T5, sinh năm 1978 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370780083xx. Nơi cư trú: thôn C, xã K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị L1, bị cáo có vợ là Trần Thị H2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2011

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

7. Đỗ Văn H3, sinh năm 1982 tại tỉnh Ninh Bình. Căn cước công dân số 0370820077xx. Nơi cư trú: xóm D, xã Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn H4 và bà Trần Thị M1, bị cáo có vợ là Đinh Thị H5 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “tạm giữ” từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay; có mặt.

Người làm chứng: **Anh Lê Duy T6, anh Lê Chí H6. Những người làm chứng vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 30/12/2025, Lê Văn Đ, Lê Văn D2, Lê Văn D, Đỗ Văn H3, Đỗ Gia H1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1 cùng ngồi ăn đám cưới tại nhà ông Trần Văn S, sinh năm 1971 ở thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, sau khi ăn xong thì T1 nói với anh Lê Duy T6, sinh năm 1985 ở cùng thôn về nhà pha cho T1 ấm trà, T6 đồng ý đi về nhà pha trà cho mọi người rồi quay lại giúp đám cưới. Sau đó, Đ nói với những người còn lại “S1 đây làm tý liêng cho vui rồi chiều sang giúp đám cưới luôn”, cả nhóm đồng ý và cùng đi sang nhà của anh T6. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày T5, H1, D, Tỉnh, Doanh, H3, Đ vào nhà T6 ngồi ở vị trí dưới nền nhà phòng khách của nhà anh T6. T1 đi bộ về nhà ở gần đó lấy bộ bài tú lơ khơ loại 52 quân đã qua sử dụng mang sang nhà anh T6, sau đó cả nhóm 07 người ngồi tại nền phòng khách nhà anh T6 thống nhất đánh bạc bằng hình thức “Liêng” được thua bằng tiền góp gà là 20.000 đồng, mỗi lần tổ cao nhất là 200.000 đồng mỗi ván, không hạn chế số lần tổ. Cả nhóm ngồi đánh bạc tại đây đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Tổ công tác Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N phối hợp với Công an xã K đến kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ tú lơ khơ loại 52 quân, số tiền 7.620.000 đồng trên chiếu bạc và thu trên người Nguyễn Văn T1 số tiền 2.500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, tổng số tiền các đối tượng đã sử dụng để đánh bạc bị thu giữ là 10.120.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Bản Cáo trạng số 28/CT-VKS -KV4 ngày 08/04/2024 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn D2, Lê Văn D, Đỗ Văn H3, Đỗ Gia H1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1 về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn D2, Lê Văn D, Đỗ Văn H3, Đỗ Gia H1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1 phạm tội đánh bạc.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn D, Đỗ Gia H1.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn D2, Đỗ Văn H3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T1 áp dụng thêm điểm x điều 51 Bộ luật Hình sự.

1.2 Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 9 ngày tạm giữ tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 3 ngày đến 14 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ.

1.3 Xử phạt bị cáo Đỗ Gia H1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 9 ngày tạm giữ tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 3 ngày đến 14 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% đến 10 % thu nhập của các bị cáo Lê Văn D và Đỗ Gia H1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn D từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Gia H1 từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Lê Văn Đại T7 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

Xử phạt các bị cáo Lê Văn D2, Đỗ Văn H3, Nguyễn Văn T5, mỗi bị cáo từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ điểm a, b khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 10.120.000 đồng do các bị cáo sử dụng đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn D2, Lê Văn D, Đỗ Văn H3, Đỗ Gia H1, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Văn T1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa như nội dung cáo trạng, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lập hồi 13 giờ 40 phút ngày 30 tháng 12 năm 2025, các vật chứng đã thu giữ đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 12 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút ngày 30/12/2025 tại nhà ở của anh Lê Duy T6 ở thôn D, xã K, tỉnh Ninh Bình, các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Lê Văn D, Đỗ Gia H1, Lê Văn D2, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H3 có hành vi đánh bạc bằng hình thức “Liêng” được thua bằng tiền, với số tiền đánh bạc là 10.120.000 đồng bị bắt quả tang.

Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1,3 Điều 321 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy tất cả các bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn T8 có bố ông Nguyễn Văn T2 là Liệt sỹ đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, do vậy bị cáo T8 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về vị trí, vai trò nhân thân của các bị cáo:

Đây và vụ án có nhiều bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc thống nhất phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo mà là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn nên khi xem xét, quyết định hình phạt cũng cần phân tích đánh giá tính chất vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp:

Hai bị cáo Lê Văn D và Đỗ Gia H1 có nhân thân xấu năm 2023 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn phạm tội. Do vậy cả hai bị cáo Dương H7 có vai trò ngang nhau và cao nhất trong vụ án và cao hơn bị cáo còn lại. Nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cũng đủ điều kiện cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Lê Văn D và Đỗ Gia H1 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Lê Văn Đ là người khởi sự đồng thời có số tiền sử dụng và việc đánh bạc nhiều nhất, bị cáo T8 là người chuẩn bị bộ bài và cũng có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều thứ 3 so với các bị cáo khác. Như vậy hai bị cáo Đ và T8 có vai trò ngang nhau giữ vai trò thứ hai trong vụ án và cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Lê Văn D2, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H3 có số tiền đánh bạc ngang nhau và cùng tham gia đánh bạc ngay từ đầu với tất cả các bị cáo khác. Do vậy mức hình phạt áp dụng cho các bị cáo D2, T9, H3 là ngang nhau và thấp hơn các bị cáo Đ, D, H1, T8.

Xét tính chất vai trò, nhân thân của các bị cáo Đ, D2, T5, H3, T8 thì tất cả các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, và có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản thân các bị cáo đều đang có công ăn việc làm ổn định tạo ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, việc các bị cáo đánh bạc là do ham vui, nhất thời phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ Điều

35 áp dụng mức hình phạt chính bằng tiền đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý như sau:

- Đối với số tiền 10.120.000 đồng do các bị cáo sử dụng đánh bạc nay cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn D, Đỗ Gia H1, Lê Văn D2, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H3 là những người bị kết án nên mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T1 do bị cáo là con liệt sỹ.

[08]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn Đ, Đỗ Gia H1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Lê Văn D2, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H3. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T1 được áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Văn T1, Lê Văn D, Đỗ Gia H1, Lê Văn D2, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H3 phạm tội đánh bạc.

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn D 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 9 ngày tạm giữ tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị

cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 3 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

1.2. Xử phạt bị cáo Đỗ Gia H1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 9 ngày tạm giữ tương đương với 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập của các bị cáo Lê Văn D và Đỗ Gia H1 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ

Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn D 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Gia H1 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đồng sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn D và Đỗ Gia H1 cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

1.4. Xử phạt bị cáo Lê Văn T8 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

1.5. Xử phạt bị cáo Lê Văn D2 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

1.6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

1.7. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H3 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 10.120.000 đồng do các bị cáo sử dụng đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy một 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N với Phòng Thi hành án dân sự khu vực - Ninh Bình và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 06 tháng 05 năm 2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N với Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn D, Đỗ Gia H1, Lê Văn D2, Nguyễn Văn T5, Đỗ Văn H3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T1,

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 05 năm 2026).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10): 01 bản;
- Phòng HS&NV Công an tỉnh: 01 bản;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 07 bản;
- UBND xã K: 01 bản;
- Đảng bộ xã K: 01 bản
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu tòa và HCTP: 03 bản;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh